BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2019/TB-LPQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

THÔNG BÁO
Về hiệu lực của điều ước quốc tế

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan, ký tại Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2019.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Đức Hạnh

HIỆP ĐỊNH
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan, sau đây gọi là các Bên,

Mong muốn tăng cường hợp tác nhằm đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm,

Trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quy định pháp luật,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1
Phạm vi tương trợ

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ ở mức tối đa trong các vấn đề về hình sự.

2. Phạm vi tương trợ có thể bao gồm:

a) Tống đạt giấy tờ;

b) Triệu tập người làm chứng, người giám định;

c) Cung cấp chứng cứ và lấy lời khai, bao gồm cả cầu truyền hình;

d) Chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ;

e) Áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

f) Trao đổi thông tin;

g) Các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

3. Hiệp định này không áp dụng đối với:

a) Dẫn độ, bắt hoặc giam giữ người để dẫn độ;

b) Thi hành bản án hình sự của Bên yêu cầu ở Bên được yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép;

c) Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để tiếp tục thi hành án.

Điều 2

Cơ quan trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan trung ương vì mục đích thi hành Hiệp định này.

2. Các cơ quan dưới đây sẽ được coi là Cơ quan trung ương kể từ khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực:

Đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đối với nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan là Tổng Viện kiểm sát của nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan.

3. Trường hợp có thay đổi hoặc chuyển giao chức năng của Cơ quan trung ương cho cơ quan khác, các Bên sẽ thông báo cho nhau thông qua kênh ngoại giao.

4. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau để thực hiện Hiệp định này. Trong trường hợp cần thiết, các Bên có thể liên hệ qua kênh ngoại giao.

Điều 3

Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Văn bản yêu cầu tương trợ phải nêu rõ:

a) Tên, địa chỉ của cơ quan yêu cầu;

b) Tên, địa chỉ của cơ quan được yêu cầu;

c) Họ tên, địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc của cá nhân, tên đầy đủ, địa chỉ của cơ quan, tổ chức có liên quan đến yêu cầu;

d) Nội dung tương trợ, mục đích của yêu cầu, tóm tắt nội dung vụ án và các tình tiết liên quan, tiến độ của vụ án và thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu;

e) Trích dẫn điều luật có thể được áp dụng, bao gồm cả hình phạt và thời hiệu.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ cũng có thể bao gồm:

a) Đặc điểm nhận dạng, quốc tịch và nơi ở của đối tượng trong vụ án hình sự hoặc những người có thông tin liên quan đến vụ án đó;

b) Thông tin về đặc điểm nhận dạng và nơi ở của người được tống đạt tài liệu, tư cách tham gia tố tụng của người đó và cách thức tống đạt;

c) Vấn đề cần thẩm vấn, câu hỏi đặt ra, mô tả tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng được đưa ra và nếu có thể thì mô tả đặc điểm, hình dạng người được yêu cầu xuất trình tài liệu, hồ sơ, vật chứng đối với yêu cầu thu thập chứng cứ;

d) Nội dung công việc, câu hỏi, yêu cầu đối với người làm chứng, người giám định được triệu tập;

e) Mô tả về tài sản cần tìm, căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đang tồn tại ở Bên được yêu cầu và thuộc quyền tài phán của Bên yêu cầu và việc thực hiện bản án, quyết định đối với yêu cầu về khám xét, thu giữ hoặc truy tìm, tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

f) Biện pháp cần áp dụng đối với yêu cầu tìm kiếm hoặc thu giữ tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

g) Mô tả về thủ tục đặc biệt mà Bên yêu cầu muốn được thực hiện trong quá trình thực hiện yêu cầu;

h) Mức độ bảo mật và lý do kèm theo;

i) Mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyến đi của người có thẩm quyền của Bên yêu cầu mong muốn có mặt trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ;

j) Bản án, quyết định hình sự của tòa án hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác và tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin khác cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ thì đề nghị bổ sung thông tin bằng văn bản và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung.

4. Yêu cầu tương trợ và thông tin trao đổi phải được lập thành văn bản. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp và Bên được yêu cầu chấp nhận, yêu

cầu tương trợ và thông tin trao đổi có thể được lập và phúc đáp bằng các hình thức liên lạc khẩn khác và sau đó phải kịp thời gửi yêu cầu bằng văn bản.

5. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc tiếng Anh.

Điều 4

Từ chối hoặc hoãn yêu cầu tương trợ

1. Việc tương trợ sẽ bị từ chối nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Việc thực hiện yêu cầu không phù hợp với điều ước quốc tế mà Bên được yêu cầu là thành viên, hoặc không phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu;

b) Việc thực hiện yêu cầu có thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng và các lợi ích cơ bản khác của Bên được yêu cầu;

c) Yêu cầu liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về một tội phạm mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Bên được yêu cầu hoặc quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền đã ban hành tại Bên được yêu cầu liên quan đến cùng một người về cùng tội phạm được nêu trong yêu cầu;

d) Yêu cầu liên quan đến một tội phạm đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;

e) Yêu cầu liên quan đến hành vi không cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

2. Tương trợ có thể bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ cản trở quá trình điều tra, truy tố hình sự, xét xử, thi hành án đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

3. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định của Điều này, Bên được yêu cầu phải:

a) Thông báo cho Bên yêu cầu về lý do từ chối hoặc hoãn; và

b) Trao đổi với Bên yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết.

4. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với những điều kiện quy định tại khoản 3.b của Điều này thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 5

Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện ngay các yêu cầu tương trợ phù hợp với pháp luật nước mình và theo trình tự, thủ tục do Bên yêu cầu đề nghị nếu không trái với quy định pháp luật nước mình.

2. Nếu có đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu về các tình huống phát sinh có thể trì hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

4. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 6

Tống đạt giấy tờ

1. Bên được yêu cầu nhanh chóng thực hiện yêu cầu về tống đạt giấy tờ theo quy định pháp luật nước mình.

2. Trường hợp yêu cầu tống đạt giấy triệu tập người bị hại, người làm chứng, người giám định, Bên yêu cầu phải gửi giấy triệu tập cho Bên được yêu cầu trong thời hạn chín mươi (90) ngày trước ngày dự định người đó có mặt tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tống đạt giấy tờ. Nếu việc tống đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do.

Điều 7

Cung cấp thông tin

1. Bên được yêu cầu có thể cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ, trừ khi Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản gốc.

2. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao của bất kỳ tài liệu hoặc hồ sơ với cùng cách thức và điều kiện như đối với trường hợp cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền nước mình.

3. Thông qua Cơ quan trung ương, mỗi Bên có thể chuyển giao cho Bên kia thông tin và tài liệu liên quan đến tội phạm mà có thể dẫn đến việc bắt đầu một thủ tục tố tụng khi xét thấy Bên kia có thẩm quyền tiến hành việc điều tra, truy tố và xét xử tội phạm đó.

Điều 8

Trả lại tài liệu cho Bên được yêu cầu

Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu phải trả lại tài liệu đã được cung cấp theo Hiệp định này khi những tài liệu đó không còn cần cho các vấn đề hình sự được nêu trong yêu cầu tương trợ.

Điều 9

Khám xét và thu giữ

Trong phạm vi pháp luật của mình, Bên được yêu cầu thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm, thu giữ và chuyển giao cho Bên yêu cầu giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật là chứng cứ trong vụ án hình sự tại các cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình được tôn trọng và bảo vệ.

Điều 10

Thu thập chứng cứ và lấy lời khai

1. Trong phạm vi pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ đưa ra đồ vật là vật chứng để chuyển cho Bên yêu cầu.

2. Người mà Bên được yêu cầu sẽ thu thập chứng cứ theo yêu cầu tương trợ phù hợp với Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp sau:

a) Pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b) Pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Nếu người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu cho rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu về quy định của quyền hoặc nghĩa vụ đó. Văn bản xác nhận đó sẽ là một căn cứ đầy đủ về quyền và nghĩa vụ được nêu trong đó.

4. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ bao gồm cả việc thu thập tài liệu hoặc các đồ vật khác liên quan đến việc thu thập chứng cứ.

Điều 11

Chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Người đang chấp hành hình phạt tù trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, theo đề nghị của Bên yêu cầu, có thể được chuyển giao tạm thời cho Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù cho Bên yêu cầu khi:

a) Người đó tự nguyện đồng ý với việc chuyển giao để hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ; và

b) Bên yêu cầu đồng ý tuân thủ các điều kiện cụ thể do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc giam giữ và bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao.

3. Khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần giam giữ người bị chuyển giao nữa, thì người đó sẽ được trả tự do và được đối xử như đối với người quy định tại Điều 12 Hiệp định này.

4. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này sẽ được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách thức hai bên đã thoả thuận ngay sau khi hoàn thành công việc theo yêu cầu chuyển giao hoặc vào thời điểm sớm hơn nếu sự có mặt của người đó không còn cần thiết. Thời gian người đang chấp hành hình phạt tù bị chuyển giao, lưu lại ở Bên yêu cầu được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của người đó tại Bên được yêu cầu.

Điều 12

Tổ chức đưa người khác hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Theo đề nghị, Bên được yêu cầu có thể đề nghị một người không phải là người quy định tại Điều 11 Hiệp định này đến lãnh thổ của Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu, nếu đồng ý với các biện pháp bảo đảm an toàn mà Bên yêu cầu cam kết áp dụng bằng văn bản, sẽ đề nghị người đó cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra trên lãnh thổ của Bên yêu cầu. Người đó sẽ được thông báo về điều kiện ăn ở, đi lại tại Bên yêu cầu, số tiền trợ cấp hoặc chi phí được hưởng. Bên được yêu cầu thông báo ngay về ý kiến của người đó cho Bên yêu cầu và nếu người đó chấp thuận thì tiến hành các biện pháp cần thiết để thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 13

Bảo đảm an toàn

1. Người có mặt trên lãnh thổ Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tại Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ:

a) Không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự, bị áp dụng hình phạt hoặc cũng không phải tham gia bất kỳ thủ tục tố tụng dân sự nào tại lãnh thổ của Bên yêu cầu đối với hành vi xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) Không phải cung cấp chứng cứ theo bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào hoặc giúp đỡ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đã không rời khỏi trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi được thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không còn cần thiết nữa hoặc đã rời khỏi nhưng tự quay trở lại.

3. Người không đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 11 hoặc Điều 12 của Hiệp định này không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào của Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu.

4. Người đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì những lời khai của họ, trừ việc họ cố ý khai báo gian dối.

Điều 14

Tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, sẽ xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội có trong phạm vi lãnh thổ của mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội, Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để kê biên hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đó. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu có thể trả lại tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội cho Bên yêu cầu. Việc trả lại chỉ được thực hiện khi đã có quyết định cuối cùng đối với tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu.

3. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của bên thứ ba ngay tình có liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

Điều 15

Tống đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ thông qua viên chức ngoại giao, lãnh sự

Các Bên có thể tống đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ của công dân nước mình đang có mặt trên lãnh thổ của Bên kia thông qua các cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự của mình đặt tại Bên kia nếu không vi phạm pháp luật của Bên kia và không có biện pháp cưỡng chế nào được áp dụng.

Điều 16

Bảo mật và giới hạn sử dụng

1. Bên được yêu cầu có thể đề nghị bảo mật thông tin hay chứng cứ được cung cấp hoặc nguồn của những thông tin hay chứng cứ đó. Việc tiết lộ

hoặc sử dụng phải phù hợp với pháp luật Bên yêu cầu và được sự đồng ý bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

2. Bên yêu cầu có thể đề nghị giữ bí mật nội dung của yêu cầu tương trợ và các tài liệu kèm theo yêu cầu tương trợ. Nếu yêu cầu tương trợ chỉ có thể được thực hiện khi vi phạm các điều kiện về bảo mật, Bên được yêu cầu sẽ thông báo Bên yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu tương trợ và Bên yêu cầu sẽ quyết định thực hiện hay không thực hiện yêu cầu tương trợ cũng như giới hạn thực hiện yêu cầu.

3. Bên yêu cầu phải bảo đảm rằng thông tin hoặc chứng cứ thu thập được sẽ được bảo vệ, không để mất mát, bị tiếp cận và sử dụng trái phép, bị sửa đổi, tiết lộ hoặc bị lạm dụng.

4. Bên yêu cầu không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ thu thập được theo Hiệp định này vào những mục đích khác ngoài những mục đích đã nêu rõ trong yêu cầu tương trợ nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

Điều 17

Chứng nhận và chứng thực

1. Các tài liệu, bản sao, hồ sơ, lời khai và các giấy tờ khác sẽ được miễn hợp pháp hóa, chứng nhận hay chứng thực.

2. Các tài liệu, bản sao, hồ sơ, lời khai và các giấy tờ khác mà được chuyển giao cho Bên yêu cầu sẽ được chứng nhận nếu Bên yêu cầu đòi hỏi. Theo đó, văn bản chứng nhận của Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu được coi là đầy đủ.

Điều 18

Đại diện và chi phí

1. Trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác, Bên được yêu cầu sẽ đại diện cho quyền lợi của Bên yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Các Bên sẽ chịu các chi phí liên quan đến việc thực thi Hiệp định này phù hợp với pháp luật của nước mình.

3. Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) Các chi phí phát sinh từ việc thực hiện yêu cầu tương trợ theo Điều 11 Hiệp định này;

b) Các chi phí liên quan tới việc di chuyển và ở lại lãnh thổ Bên yêu cầu của những người được nêu tại Điều 12 Hiệp định này;

c) Các chi phí liên quan tới việc di chuyển và ở lại lãnh thổ Bên được yêu cầu của những người được nêu tại khoản 2(i) Điều 3 Hiệp định này;

d) Chi phí hợp lý và lệ phí trưng cầu giám định;

e) Chi phí và lệ phí liên quan tới việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu;

f) Các chi phí liên quan tới việc lưu giữ, chuyển giao đồ vật bị thu giữ và thu hồi tài sản do phạm tội mà có;

g) Các chi phí thiết lập và vận hành cầu truyền hình và việc biên dịch, sao chép tài liệu liên quan đến thủ tục này.

4. Nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ dẫn đến việc phát sinh các chi phí bất thường, các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau về các điều kiện mà theo đó yêu cầu có thể được thực hiện và tiêu chí chia sẻ các chi phí liên quan.

Điều 19

Mối quan hệ với các thỏa thuận quốc tế khác

1. Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên theo bất kỳ thỏa thuận quốc tế nào khác mà các Bên là thành viên.

2. Hiệp định này không ngăn cản một Bên thực hiện tương trợ cho Bên kia theo một thỏa thuận quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

Điều 20

Tham vấn

1. Cơ quan trung ương của các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau tại thời điểm do các Bên thỏa thuận nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Hiệp định này. Cơ quan trung ương của các Bên cũng có thể thỏa thuận về các biện pháp thực tế nếu thấy cần thiết để tạo điều kiện cho việc thi hành Hiệp định này.

2. Bất kì bất đồng nào trong giải thích hay áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng việc tham vấn giữa các Bên.

Điều 21

Hiệu lực, áp dụng và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này có hiệu lực không thời hạn và có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau khi nhận được thông báo sau cùng bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn thành thủ tục pháp luật trong nước cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung khi cả hai Bên đồng ý. Các nội dung sửa đổi, bổ sung sẽ là một phần không thể tách rời khỏi Hiệp định này và sẽ có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hiệp định này sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày một Bên nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia qua đường ngoại giao về việc chấm dứt Hiệp định. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, thủ tục tương trợ tư pháp đã bắt đầu trong thời điểm hiệu lực vẫn được thi hành đầy đủ.

4. Hiệp định này được áp dụng đối với yêu cầu được lập sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu liên quan đến tội phạm được thực hiện trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình uỷ quyền hợp thức, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày..15..tháng 6 năm 2017 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Ca-dắc và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA CA-DÁC-XTAN
Lê Minh Trí Viện trưởng Viện KSNDTC	Zhakyp Assanov Viện trưởng

TREATY
between the Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Kazakhstan on mutual legal assistance in criminal matters

The Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Kazakhstan, hereinafter referred to as Parties,

Desiring to enhance their cooperation to effectively combat crimes,

Having due regard for human rights and the rule of law,

Have agreed as follows:

Article 1
Scope of Assistance

1. The Parties shall, in accordance with this Treaty and their respective laws, provide to each other the widest mutual legal assistance in criminal matters.

2. Such assistance may consist of:

a) serving documents;

b) summoning the witness, the expert;

c) providing evidence and taking statements, including by videoconferencing or television links;

d) temporary transfer of sentenced persons in the Requested Party to appear in the Requesting Party to assist in investigations or give evidence;

e) taking measures to trace, restrain, freeze, seize or confiscate proceeds and/or instrumentalities of crime;

f) exchanging information;

g) any other form of assistance consistent with the objectives of this Treaty which is not inconsistent with the law of the Requested Party.

3. This Treaty does not apply to:

a) the extradition, or the arrest or detention of any person with a view to extradite that person;

b) the enforcement in the Requested Party of criminal judgments imposed in the Requesting Party, except to the extent permitted by the law of the Requested Party and this Treaty;

c) the transfer of sentenced persons to serve sentences.

Article 2
Central Authorities

1. Each Party shall designate a Central Authority for the purpose of the implementation of this Treaty.

2. The following agencies are designated as the Central Authorities as this Treaty comes into effect:

for the Socialist Republic of Viet Nam - the Supreme People's Procuracy of the Socialist Republic of Viet Nam;

for the Republic of Kazakhstan - the Prosecutor General's Office of the Republic of Kazakhstan.

3. In case of change of its Central Authority or transfer of its functions to other authority, each Party shall inform the other through diplomatic channels.

4. The Central Authorities shall directly communicate with each other to implement this Treaty. Where necessary, the Parties may communicate through the diplomatic channels.

Article 3
Contents and form of requests

1. The request for assistance shall include:

a) the name and address of the requesting competent authority;

b) the name and address of the requested competent authority;

c) the name of a person and his/her permanent residence or office address, the official name and address of a legal entity to which the request relates;

d) a description of the assistance sought, the purpose of the request, the nature and relevant facts of the case, status of the case and the time limit within which the request should be executed.

e) indication of the applicable law provisions, including the punishment and provisions of statute of limitations.

2. The request for assistance may include:

a) the identity, nationality and domicile of the person to whom the case relates or the other who knows information sought that is related to the said case;

b) information about the identity and location of the person to whom documents are to be served, his/her legal status and the manner in which the service will be effected;

c) matters for which an interrogation seeks, a list of questions posed and, in cases of a request for the obtaining of evidence, a description of documents, records or items of evidence rendered and, if necessary, a description and identity of the person who is required to render such documents, records or items of evidence;

d) the nature of tasks, a list of questions and requirements for the summoned witness or expert;

e) in case of a request for search, seizure, tracing or confiscation of proceeds and/or instrumentalities of crime, a description of searched property and grounds to believe that the proceeds and/or instrumentalities of crime are existing in the Requested Party and are under the jurisdiction of the Requesting Party and the enforcement of orders or judgments to which the request relates;

f) measures applicable to the request in order to locate or seize proceeds and/or instrumentalities of crime;

g) a description of any particular procedure that should be followed to execute the request;

h) the degree of confidentiality required and the reasons thereof;

i) the purpose, intended date and schedule of the trip of competent officer(s) of the Requesting Party, the presence of whom is desirable during the execution of the request in the territory of the Requested Party;

j) the criminal judgment or order of a court or other competent authority and other documents, articles of evidence or information necessary for the execution of the request.

3. If the Requested Party considers that the information contained in the request is not sufficient to execute the request, it shall request additional information in writing and set a specific date on which such additional information is received;

4. The request and communications shall be made in writing. However, in urgent cases and permitted by the Requested Party, the request and communications may be made and responded to by the expedited means of communication and shall be promptly confirmed in writing thereafter.

5. The request and supporting documents shall be made in the language of the Requesting Party and accompanied by a translation into the language of the Requested Party or into English.

Article 4
Refusal or postponement of assistance

1. Legal assistance under this Treaty shall be refused in any of the following circumstances:

a) the execution of the request is inconsistent with an international agreement to which the Requested Party is a member or inconsistent with its law;

b) the execution of the request would prejudice sovereignty, national security, public order and other essential interests of the Requested Party;

c) the request relates to the prosecution of a person for a crime in respect of which the offender has been finally convicted, acquitted, given amnesty or pardon in the Requested Party or final decision of the competent authority has already been rendered in the Requested Party in respect of the same person for the same crime as indicated in the request;

d) the request relates to a crime that could be no longer prosecuted by reason of lapse of time under the law of the Requested Party;

e) the request relates to an act or omission that does not constitute a crime under the law of the Requested Party.

2. Legal assistance may be postponed by the Requested Party if its execution would interfere with an ongoing investigation, criminal prosecution, court proceedings or enforcement of judgment in its territory.

3. Before refusing a request or postponing its execution under this Article, the Requested Party shall:

a) promptly inform the Requesting Party of reason(s) for any refusal or postponement; and

b) consult with the Requesting Party of whether legal assistance may be provided subject to certain conditions as the Requested Party deems necessary.

4. If the Requesting Party accepts legal assistance subject to the conditions provided in paragraph 3(b) of this Article, it shall comply with them.

Article 5

Execution of requests

1. The Requested Party shall promptly execute the request in accordance with its law and, in so far as it is not inconsistent with the law of the Requested Party, in the manner requested by the Requesting Party.

2. Upon request, the Requested Party shall timely inform the Requesting Party of the date and place of the execution of the request for legal assistance.

3. The Requested Party shall promptly inform the Requesting Party of circumstances which are likely to cause a delay in executing the request.

4. The Central Authority of the Requested Party shall promptly inform the Central Authority of the Requesting Party of the results of the execution of the request.

Article 6

Service of documents

1. The Requested Party shall promptly execute the request of serving documents according to its law.

2. A request for serving a document summoning a victim, witness or expert shall be sent to the Requested Party not less than ninety (90) days before the date on which the attendance is required in the Requesting Party. In urgent cases, the Requested Party may waive this requirement.

3. The Requested Party shall send to the Requesting Party proof of service of the document. If service cannot be effected, the Requesting Party shall be informed of the reasons.

Article 7
Provision of information

1. The Requested Party may provide copies of original documents or records, except in cases the Requesting Party requires the originals.

2. The Requested Party may provide any document or record in the same manner and conditions as provided to its competent authorities.

3. The Parties may, through their Central Authorities, transfer information and materials related to crime that may lead to initiate a proceeding in the other Party when they consider that the latter Party has jurisdiction to conduct the investigation, prosecution and trial over that crime.

Article 8
Return of materials to the Requested Party

The Requesting Party shall, upon request of the Requested Party, return the materials provided under this Treaty when they are no longer necessary to the criminal matters specified in the request.

Article 9
Search and seizure

The Requested Party shall, according to its law, carry out search in respect of persons or premises to locate, seize and deliver to the Requesting Party materials, documents or items of evidence in criminal cases, which are

under the jurisdiction of the competent authorities of the Requesting Party. In such circumstances, the rights of bona fide third parties are respected and protected.

Article 10

Taking evidence and statements

1. The Requested Party shall, upon request and in accordance with its law, obtain testimonies or statements of persons or require them to provide items of evidence for the transmission to the Requesting Party.

2. A person who is called upon to give evidence in the Requested Party under this Article may decline to give evidence where either:

a) the law of the Requested Party permit or require that person to decline to give evidence in similar circumstances in procedures commencing in the Requested Party; or

b) the law of the Requesting Party permit or require that person to decline to give evidence in similar circumstances in procedures commencing in the Requesting Party.

3. If any person in the Requested Party claims that there is a right or obligation to decline to give evidence under the law of the Requesting Party, the Central Authority of the Requesting Party shall, upon request, provide a formal certification of that right or obligation to the Central Authority of the Requested Party as to the existence of that right or obligation. Such formal certification shall be sufficient evidence of the right or obligation stated in it.

4. For the purpose of this Article, taking or giving evidence shall include the production of documents, records or other materials related to obtaining evidence.

Article 11

Temporary transfer of sentenced persons to assist in investigations or give evidence in the Requesting Party

1. A sentenced person in the Requested Party may, upon request, temporarily be transferred to assist in investigations or give evidence in the Requesting Party.

2. The Requested Party shall transfer the sentenced person to the Requesting Party if:

a) that person consents to the transfer to assist in investigations or give evidence; and

b) the Requesting Party consents to comply with specific conditions required by the Requested Party concerning the custody and safety of the transferred person.

3. Where the Requested Party informs the Requesting Party that the transferred person is no longer required to be held in custody, that person shall be released and treated as the person provided by Article 12 of this Treaty.

4. The transferred person under this Article shall be returned to the Requested Party in the manner the Parties have arranged at the conclusion of the matter in relation to which the transfer was sought or at such earlier time as that person's presence is no longer required. The period during which such person was transferred and kept under custody in the Requesting Party shall count towards the period of his/her imprisonment in the Requested Party.

Article 12

Arrangement of other persons' assistance in investigations or giving evidence in the Requesting Party

1. Upon request, the Requested Party may invite a person who is not subject to Article 11 of this Treaty to travel to the Requesting Party to assist in investigations or give evidence in the Requesting Party.

2. The Requested Party shall, if satisfied with arrangements for the person's safety under an assurance in writing made by the Requesting Party, invite that person to assist in investigations or to give evidence in the Requesting Party. That person shall be informed of accommodation, travelling and any expenses or allowances payable in the Requesting Party. The Requested Party shall inform the Requesting Party of the person's response and, if the person consents, take measures necessary to execute the request.

Article 13
Safe conduct

1. The person present in the Requesting Party under the request subject to Article 11 or Article 12 of this Treaty:

a) shall not be detained, prosecuted, punished or not also be subjected to any civil proceeding in the Requesting Party in respect of any act or omission of the person that is alleged to have occurred before the person's departure from the Requested Party;

b) shall not, without the person's consent, give evidence in any criminal procedure or assist in any investigation other than the criminal matters in respect of which the request is made.

2. Paragraph 1 of this Article shall cease to apply if that person, being free to leave, has not left the Requesting Party within a period of fifteen (15) days after that person has been officially notified that his/her presence is no longer required or, having left, has voluntarily returned.

3. The person who does not consent to assist in investigations or give evidence under Article 11 or Article 12 of this Treaty shall not be liable to any penalty or be subjected to any coercive measure for this in the Requesting Party or in the Requested Party.

4. The person who consents to assist in investigations or give evidence under Article 11 or Article 12 of this Treaty shall not be prosecuted for that person's statement, except that he/she makes intentionally false statements.

Article 14
Proceeds and instrumentalities of crime

1. The Requested Party shall, upon request, endeavor to ascertain whether proceeds and/or instrumentalities of the alleged crime are located in its territory and shall notify the Requesting Party of the results of its inquiries.

2. Where suspected proceeds and/or instrumentalities of crime are found, the Requested Party shall take measures as are permitted by its law to restrain or confiscate such proceeds and/or instrumentalities of crime. The Requested

Party may, to the extent permitted by its law, return the proceeds and/or instrumentalities of crime to the Requesting Party. The return of such proceeds and/or instrumentalities of crime shall only be executed when there is a final decision made by a court or another competent authority of the Requesting Party.

3. In the application of this Article, the rights of relevant bona fide third parties shall be respected and protected under the law of the Requested Party.

Article 15
Service of documents and taking of evidence by diplomatic or consular officials

Either Party may serve documents on and take evidence from its nationals in the territory of the other Party through its diplomatic missions or consular posts therein, provided that the law of the other Party will not be violated and no coercive measures of any kind are taken.

Article 16
Protection of confidentiality and limitation on use

1. The Requested Party may request to keep confidential the information or evidence provided or sources of such information or evidence. The disclosure or use must be consistent with the law of the Requesting Party and be subjected to written consent of the Requested Party.

2. The Requesting Party may request to keep confidential the content of the request for assistance and its supporting documents. If the request cannot be executed without breaching confidentiality, the Requested Party shall so inform the Requesting Party before the request is executed. The Requesting Party shall then determine whether the request should be wholly or partly executed.

3. The Requesting Party shall ensure that information or evidence obtained must be protected against loss, unlawful access and use, modification, disclosure or misuse.

4. Without prior written consent of the Requested Party, the Requesting Party shall not use or disclose information or evidence obtained under this Treaty for any purpose other than the purpose specified in the request.

Article 17
Certification and authentication

1. Documents, transcripts, records, statements and other materials shall be exempted from any legalization, certification or authentication requirements.

2. Documents, transcripts, records, statements and other materials which are to be transmitted to the Requesting Party shall only be certified if the Requesting Party so requests. For that purpose, certification by the Central Authority of the Requested Party shall be sufficient.

Article 18
Representation and expenses

1. Unless otherwise provided in this Treaty, the Requested Party shall represent the interests of the Requesting Party during the execution of the request.

2. The costs related to rendering of legal assistance under this Treaty shall be borne by the Parties in accordance with their laws.

3. The Requested Party shall meet the cost of execution of the request for legal assistance except that the Requesting Party shall bear:

a) all expenses arising from the execution of the request in accordance with Article 11 of this Treaty;

b) travel and stay expenses in the Requesting Party of the persons indicated in Article 12 of this Treaty;

c) travel and stay expenses in the Requested Party, the persons indicated in paragraph 2 (i) of Article 3 of this Treaty;

d) reasonable expenses and fees of experts;

e) expenses and fees of translation and interpretation and the cost of transcript;

f) expenses of the storage, handing over the items seized and recovery of proceeds of crime;

g) the costs of establishing and operating video conferencing or television links and the interpretation and transcription of such proceedings.

4. Whenever the execution of a request entails expenses of an extraordinary nature, the Parties shall consult with a view to agree the conditions under which the request may be executed, and the criteria for sharing the relevant costs.

Article 19
Compatibility with other international arrangements

1. This Treaty shall not affect the rights and duties of the Parties assumed under any other international arrangements to which the Parties are members.

2. This Treaty shall not prevent one Party from providing legal assistance to the other pursuant to other international arrangements to which they are members.

Article 20
Consultations

1. The Central Authorities of the Parties shall consult each other, at times mutually agreed by them, to promote the most effective implementation of this Treaty. The Central Authorities of the Parties may also agree on such practical measures as may be necessary to facilitate the implementation of this Treaty.

2. Any dispute arising from the interpretation or application of this Treaty shall be settled by consultations between the Parties.

Article 21

Entry into force, application and termination of the Treaty

1. This Treaty will remain in force for an indefinite term and enters into force on the thirtieth (30) day from the date of receipt through diplomatic channels of the latter written notification on completion by the Parties of the internal procedures necessary to its entry into force.

2. This Treaty may be amended and supplemented on the mutual consent of the Parties. Any amendment and supplement shall become an integral part of this Treaty and enter into force according to the procedure provided by paragraph 1 of this Article.

3. This Treaty shall be terminated upon expiration of six (6) months from the date of receipt through diplomatic channels by either Party of a written notification of the other Party about its intention to terminate this Treaty. In case of termination of this Treaty, the procedure on legal assistance started during the period of its validity remains in force to its full execution.

4. This Treaty shall apply to any request submitted after its entry into force, even if the relevant criminal offences were committed before the entry into force of this Treaty.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized thereto by their respective States, have signed this Treaty.

DONE in Ha Noi, on 15 June 2017 in two originals, each in Vietnamese, Kazakh and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN
LE MINH TRI	Zhakyp Assanov
Prosecutor General	Prosecutor General

Вьетнам Социалистік Республикасы мен Қазақстан Республикасы арасындағы қылмыстық істер бойынша өзара құқықтық көмек туралы
ШАРТ

Бұдан әрі Тараптар деп аталатын Вьетнам Социалистік Республикасы мен Қазақстан Республикасы

қылмыскерлікпен тиімді күресу үшін өзара ынтымақтастықты нығайтуды қалай отырып,

адам құқықтарына және заң үстемдігіне лайықты назар аудара отырып,

төмендегілер туралы уағдаласты:

1-бап
Ынтымақтастық саласы

1. Тараптар осы Шартқа және өздерінің тиісті заңнамаларына сәйкес бір-біріне қылмыстық істер бойынша өзара құқықтық көмекті толық көлемде көрсетуге міндеттенеді.

2. Мұндай көмек:

a) құжаттар тапсыруды;

b) куәні, сарапшыны шақыруды;

c) дәлелдемелер мен айғақтар алуды және ұсынуды, оның ішінде бейнеконференция немесе телевизиялық байланыс арқылы алуды және ұсынуды;

d) Сұрау салынатын Тарапта күзетпен ұсталатын адамдарды тергеп-тексеруге немесе айғақтар беруге көмек көрсету үшін Сұрау салушы Тарапқа уақытша беруді;

e) қылмыстың кірістерін және/немесе құралдарын анықтау, ұстап алу, тоқтатып қою, оларға тыйым салу немесе оларды тәркілеу бойынша шаралар қабылдауды;

f) ақпарат алмасуды;

g) Сұрау салынатын Тараптың заңнамасына қайшы келмейтін, осы Шарттың мақсаттарына сәйкес келетін көмектің кез келген өзге де нысандарын қамтиды.

3. Осы Шарт:

a) кез келген адамды экстрадициялау мақсатында осы адамды ұстап беруге немесе қамаққа алуға не ұстап алуға;

b) Сұрау салынатын Тараптың заңнамасында және осы Шартта рұқсат етілген жағдайларды қоспағанда, Сұрау салушы Тараптың соттары шығарған үкімдерді Сұрау салынатын Тарапта орындауға;

c) сотталған адамдарды жазасын өтеу үшін беруге қатысты қолданылмайды.

2-бап
Орталық органдар

1. Осы Шартты іске асыру мақсатында Тараптардың әрқайсысы өзінің орталық органын айқындайды.

2. Осы Шарт күшіне енген кезден бастап мына органдар/ведомстволар орталық органдар ретінде айқындалады:

Вьетнам Социалистік Республикасы үшін – Вьетнам Социалистік Республикасының Жоғарғы халықтық прокуратурасы;

Қазақстан Республикасы үшін – Қазақстан Республикасының Бас прокуратурасы.

3. Орталық орган өзгерген немесе оның функциялары басқа органға берілген жағдайда Тараптар бұл туралы бір-бірін хабардар етеді.

4. Осы Шартты іске асыру мақсатында орталық органдар тікелей өзара іс-қимыл жасасады. Қажет болған жағдайда, Тараптар дипломатиялық арналар арқылы өзара іс-қимыл жасаса алады.

3-бап
Сұрау салулардың мазмұны мен нысаны

1. Көмек көрсету туралы сұрау салуда мыналар:

a) сұрау салушы құзыретті органның атауы мен орналасқан жері;

b) сұрау салынатын құзыретті органның атауы мен орналасқан жері;

c) сұрау салуға қатысы бар адамның сауалнамалық деректері және оның тұрғылықты жерінің немесе жұмыс орнының мекенжайы, заңды тұлғаның ресми атауы мен мекенжайы;

d) сұратылып отырған көмектің сипаттамасы, сұрау салудың мақсаты, қылмыстық істің сипаты мен тиісті мән-жайлары, оның сатысы, қолданыстағы заңнамада белгіленген жаза, сондай-ақ сұрау салудың орындалуы күтілетін мерзім;

e) жаза және қылмыстық жауаптылықтың ескіру мерзімдері туралы ережені қоса алғанда, заңнаманың қолданылатын ережелерін көрсету қамтылуға тиіс.

2. Көмек көрсету туралы сұрау салуда мыналар:

a) іске байланысты адамның немесе көрсетілген іске қатысты, сұратылатын ақпаратты білетін басқа адамның жеке басы, азаматтығы және тұратын жері туралы мәліметтер;

b) құжаттар тапсырылатын адамның жеке басы және тұрған жері туралы ақпарат, оның процестік мәртебесі және табыс ету жүргізілуге тиіс тәсіл;

c) жауап алуды жүргізу үшін негіздер, анықталуға жататын сұрақтардың тізбесі, ал дәлелдемелер алуға сұрау салынған жағдайда – құжаттардың, жазбалардың немесе заттай дәлелдемелердің сипаттамасы және қажет жағдайда - осындай құжаттарды, жазбаларды немесе заттай дәлелдемелерді ұсынуға міндетті адамның сипаттамасы және жеке басы туралы мәліметтер;

d) шақыртылған куә немесе сарапшы үшін міндеттердің сипаты, сұрақтар мен талаптардың тізбесі;

e) тінтуге, қылмыс кірістерін және/немесе құралдарына тыйым салуға, оларды анықтауға немесе тәркілеуге сұрау салынған жағдайда - ізделіп жатқан мүліктің сипаттамасы, қылмыс кірістері және/немесе құралдары Сұрау салынатын Тарапта орналасқан және Сұрау салушы Тараптың юрисдикциясында деп пайымдауға негіз беретін мәліметтер және сұрау салуға қатысты күшіне енген сот қаулысы немесе шешімі;

f) қылмыс кірістерінің және/немесе құралдарының орналасқан жерін анықтау немесе оларға тыйым салу үшін сұрау салуға қолданылатын шаралар;

g) сұрау салу орындалатын кезде сақталуға тиіс кез келген нақты рәсімнің сипаттамасы;

h) сақталуы талап етілетін құпиялылық дәрежесі және тиісті негіздеме;

i) сұрау салуды орындау кезінде Сұрау салынатын Тараптың аумағында болуы қажет Сұрау салушы Тараптың құзыретті қызметкері/қызметкерлері сапарының мақсаты, болжамды күні мен графигі;

j) соттың үкімі немесе қаулысы және басқа да құжаттар, заттай дәлелдемелер немесе сұрау салуды орындау үшін қажетті ақпарат қамтылуы мүмкін.

3. Егер Сұрау салынатын Тарап сұрау салуды орындау үшін онда қамтылған ақпарат жеткіліксіз деп санаса, ол жазбаша түрде қосымша ақпарат сұрата алады және мұндай қосымша ақпарат алынуға тиіс нақты күнді белгілей алады.

4. Сұрау салу және оған байланысты хабарлар жазбаша нысанда жасалуға тиіс. Кейінге қалдыруға болмайтын жағдайларда Сұрау салынатын Тараптың рұқсатымен сұрау салу және оған байланысты хабарлар ақпаратты жедел беру тәсілімен жіберілуі және алынуы мүмкін, кейіннен ол жазбаша түрде дереу расталуы қажет.

5. Сұрау салу және растаушы құжаттар Сұрау салушы Тараптың тілінде жасалады және олардың Сұрау салынатын Тараптың тіліне немесе ағылшын тіліне аудармасы қоса беріледі.

4-бап

Көмек көрсетуден бас тарту немесе оны кейінге қалдыру

1. Осы Шартқа сәйкес кез келген мынадай мән-жайлар кезінде:

a) сұрау салуды орындау Сұрау салынатын Тарап қатысушысы болып табылатын халықаралық келісімге қайшы келсе, не оның заңнамасына қайшы келсе;

b) сұрау салуды орындау Сұрау салынатын Тараптың егемендігіне, ұлттық қауіпсіздігіне, қоғамдық тәртібіне немесе басқа да елеулі мүдделеріне қатер төндіретін болса;

c) сұрау салу Сұрау салынатын Тарапта сол қылмыс үшін сотталған, ақталған, рақымшылық немесе кешірім жасалған адамды қудалауға байланысты болса, не Сұрау салынатын Тарапта сол адамға қатысты құзыретті орган сұрау салуда көрсетілген дәл сол қылмыс үшін түпкілікті шешім шығарған болса;

d) сұрау салу Сұрау салынатын Тараптың заңнамасына сәйкес ескіру мерзімінің өтуі себепті адам қудалауға ұшыратыла алмайтын қылмысқа қатысты болса;

e) сұрау салу Сұрау салынатын Тараптың заңнамасына сәйкес қылмыс болып табылмайтын әрекетке немесе әрекетсіздікке қатысты болса, құқықтық көмек көрсетуден бас тартылуға тиіс.

2. Сұрау салынатын Тарап, егер құқықтық көмек көрсету оның аумағында жүргізіліп жатқан терген-тексеруге, қылмыстық қудалауға, сот талқылауына немесе сот шешімін орындауға кедергі келтіретін болса, оны көрсетуді кейінге қалдыруы мүмкін.

3. Сұрау салынатын Тарап сұрау салуды орындаудан бас тартудан немесе оны орындауды кейінге қалдырудан бұрын, осы бапқа сәйкес:

a) Сұрау салушы Тарапқа бас тартудың немесе кейінге қалдырудың себебі (себептері) туралы дереу хабарлайды; және

b) Сұрау салушы Тараппен Сұрау салынатын Тарап қажет деп есептейтін белгілі бір шарттар сақталған жағдайда құқықтық көмекті көрсету туралы консультациялар жүргізеді.

4. Егер Сұрау салушы Тарап осы баптың 3-тармағының b) тармақшасында көзделген тәртіппен белгіленген шарттарда құқықтық көмектің көрсетілуіне келісетін болса, ол осы шарттарды сақтауға міндеттенеді.

5-бап

Сұрау салуларды орындау

1. Сұрау салынатын Тарап сұрау салуды өзінің заңнамасына, сондай-ақ, егер бұл Сұрау салынатын Тараптың заңнамасына қайшы

келмейтін болса, Сұрау салушы Тарап белгілейтін тәртіпке сәйкес дереу орындайды.

2. Сұрау салу бойынша Сұрау салынатын Тарап құқықтық көмек көрсету туралы сұрау салудың орындалу күні мен орны туралы Сұрау салушы Тарапқа уақтылы хабарлайды.

3. Сұрау салынатын Тарап сұрау салудың орындалуын кідіртуге әкеп соғуы мүмкін мән-жайлар туралы Сұрау салушы Тарапқа дереу хабарлайды.

4. Сұрау салынатын Тараптың орталық органы сұрау салуды орындаудың нәтижелері туралы Сұрау салушы Тараптың орталық органына дереу хабарлайды.

6-бап
Құжаттарды табыс ету

1. Сұрау салынатын Тарап құжаттарды табыс ету туралы сұрау салуды өзінің заңнамасына сәйкес дереу орындайды.

2. Жәбірленушінің, куәнің немесе сарапшының келуі талап етілетін құжаттарды табыс ету туралы сұрау салу Сұрау салушы Тарапта болуы талап етілетін күнге дейінгі тоқсан (90) тәуліктен кешіктірілмей Сұрау салынатын Тарапқа жолдануға тиіс. Кейінге қалдыруға болмайтын жағдайларда Сұрау салынатын Тарап бұл талаптан бас тартуы мүмкін.

3. Сұрау салынатын Тарап құжаттардың табыс етілгені туралы растауды Сұрау салушы Тарапқа жолдайды. Егер табыс ету жүргізілмесе, Сұрау салушы Тарап оның себептері туралы хабарлануға тиіс.

7-бап
Ақпаратты ұсыну

1. Сұрау салушы Тарап түпнұсқаларды талап ететін жағдайларды қоспағанда, Сұрау салынатын Тарап құжаттардың немесе жазбалардың көшірмелерін ұсына алады.

2. Сұрау салынатын Тарап кез келген құжаттарды немесе жазбаларды өзінің құзыретті органдары үшін белгіленген көлемде және шарттарда ұсына алады.

3. Егер Тараптар басқа Тарап осы қылмысты тергеп-тексеру, қудалау және сот талқылауы үшін юрисдикцияға ие деп санаса, олар өздерінің орталық органдары арқылы соңғысында қылмыстық іс жүргізуді қозғауға әкеп соғуы мүмкін қылмыс туралы ақпаратты және материалдарды жолдай алады.

8-бап
Сұрау салынатын Тарапқа материалдарды қайтару

Сұрау салушы Тарап осы Шартқа сәйкес ұсынылған материалдарды, олар сұрау салуда көрсетілген қылмыстық іс үшін бұдан әрі қажет болып табылмаса, Сұрау салынатын Тараптың сұрау салуы бойынша қайтарады.

9-бап
Тінту және алып қою

Сұрау салынатын Тарап өзінің заңнамасына сәйкес Сұрау салушы Тараптың құзыретті органдарының юрисдикциясындағы қылмыстық істер бойынша материалдарды, құжаттарды немесе заттай дәлелдемелерді табу, алып қою және Сұрау салушы Тарапқа ұсыну мақсатында адамдарға немесе үй-жайларға тінтуді жүзеге асырады. Мұндай жағдайларда адал үшінші тұлғалардың құқықтары құрметтелуге және қорғалуға тиіс.

10-бап
Дәлелдемелер және айғақтар алу

1. Сұрау салынатын Тарап сұрау салу бойынша және өзінің заңнамасына сәйкес адамдардан айғақтар немесе арыздар алады немесе олардан Сұрау салушы Тарапқа беру үшін заттай дәлелдемелер ұсынуды талап етеді.

2. Сұрау салынатын Тарапта айғақтар беру үшін шақыртылған адам, егер:

a) Сұрау салынатын Тараптың заңнамасы адамның Сұрау салынатын Тарапта басталған процестегі ұқсас мән-жайлар кезінде айғақтар беруден бас тартуына рұқсат ететін немесе бас тартуын талап ететін; немесе

b) Сұрау салушы Тараптың заңнамасы адамның Сұрау салушы Тарапта басталған процестегі ұқсас мән-жайлар кезінде айғақтар беруден бас тартуына рұқсат ететін немесе бас тартуын талап ететін жағдайларда, осы бапқа сәйкес айғақтар беруден бас тартуға құқылы.

3. Егер Сұрау салынатын Тарапта қандай да бір адам Сұрау салушы Тараптың заңнамасына сәйкес айғақтар беруден бас тартуға құқық немесе міндеттеме бар деп тұжырымдаса, Сұрау салушы Тараптың орталық органы сұрау салу бойынша Сұрау салынатын Тараптың орталық органына осындай құқықтың немесе міндеттеменің бар екені туралы куәландырылған құжат ұсынады. Мұндай куәландыру

онда көрсетілген құқықтың немесе міндеттеменің жеткілікті дәлелдемесі болып табылады.

4. Осы баптың мақсатында дәлелдемелерді алу немесе ұсыну құжаттар, жазбалар немесе дәлелдемелерді жинақтауға байланысты өзге де материалдар жасауды қамтиды.

11-бап
Күзетпен ұсталатын адамдарды Сұрау салушы Тарапта тергеп-тексеруге немесе айғақтар беруге көмек көрсету үшін уақытша беру

1. Сұрау салынатын Тарапта күзетпен ұсталатын адам тергеп-тексеруге көмек көрсету немесе айғақтар беру үшін сұрау салу бойынша Сұрау салушы Тарапқа уақытша берілуі мүмкін.

2. Сұрау салынатын Тарап, егер:

a) бұл адам тергеп-тексеруге көмек көрсету немесе айғақтар беру үшін беруге келіскен; және

b) Сұрау салушы Тарап берілетін адамның күзетпен ұсталуына және қауіпсіздігіне қатысты Сұрау салынатын Тарап талап ететін арнайы шарттарды сақтауға келіскен жағдайларда, күзетпен ұсталатын адамды Сұрау салушы Тарапқа береді.

3. Егер Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тарапқа берілген адамның бұдан әрі күзетпен ұсталмауға тиіс екендігі туралы хабарлаған жағдайда, бұл адам босатылады және осы Шарттың 12-бабында көзделген адам ретінде қаралады.

4. Осы бапқа сәйкес берілген адам өзіне байланысты беру сұратылған істің аяқталуына қарай немесе бұл адамның қатысуы бұдан әрі талап етілмейтін неғұрлым ерте мерзімде Тараптардың келісуімен белгіленген тәртіппен Сұрау салынатын Тарапқа қайтарылады. Адамның Сұрау салушы Тарапқа берілген және онда күзетпен ұсталып отырған кезеңі оның Сұрау салынатын Тарапта күзетпен ұсталған кезеңіне есептеледі.

12-бап
Басқа адамдардың Сұрау салушы Тарапта тергеп-тексеруге немесе айғақтар беруге көмегін ұйымдастыру

1. Сұрау салу бойынша Сұрау салынатын Тарап осы Шарттың 11-бабының қолданысына жатпайтын адамды Сұрау салынатын Тарапта тергеп-тексеруге көмек көрсету немесе айғақтар беру үшін Сұрау салушы Тарапқа баруы үшін шақырта алады.

2. Егер Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тараптың жазбаша түрде кепілдік берген адамның қауіпсіздігі шараларына қанағаттанған

жағдайда, Сұрау салынатын Тарап осы адамды Сұрау салушы Тарапта тергеп-тексеруге көмек көрсету немесе айғақтар беру үшін шақырта алады. Бұл адамға орналасуға және жүріп-тұруға байланысты Сұрау салушы Тарап төлейтін кез келген шығыстар мен өтемақылар туралы хабарлануға тиіс. Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тарапқа осы адамның жауабы туралы хабарлауға және егер адам келіссе, сұрау салуды орындау үшін қажетті шаралар қабылдауға тиіс.

13-бап
Арнайы қағида

1. Осы Шарттың 11 және 12-бабының ережелеріне сәйкес Сұрау салушы Тарапта жүрген адам:

а) өзі Сұрау салынатын Тараптан шыққанға дейін жасалған өзінің кез келген әрекетіне немесе әрекетсіздігіне қатысты Сұрау салушы Тарапта ұстап алуға, қудалауға немесе жазалауға ұшырамауға, сондай-ақ қандай да бір азаматтық процеске тартылмауға тиіс;

b) өзінің келісімінсіз өздеріне қатысты сұрау салынған қылмыстық істен өзге қандай да бір қылмыстық процесте айғақтар беруге немесе қандай да бір тергеп-тексеруге көмек көрсетуге тиіс емес.

2. Осы баптың 1-тармағы, егер адам өзінің болуы бұдан әрі талап етілмейтіні туралы ресми хабарлама алған күннен бастап кетіп қалу мүмкіндігі бола тұра, Сұрау салушы Тараптың аумағынан он бес (15) тәулік ішінде кетпеген немесе осы адам Сұрау салушы Тараптың аумағынан кетіп, оған өз еркімен қайта оралған жағдайда өз қолданысын тоқтатады.

3. Осы баптың 11-бабына немесе 12-бабына сәйкес тергеп-тексеруге көмек көрсетуге не айғақтар беруге келісім бермеген адам ол үшін Сұрау салушы Тарапта немесе Сұрау салынатын Тарапта қандай да бір жауаптылықта болмайды немесе қандай да бір мәжбүрлеу шараларына ұшыратылмайды.

4. Осы Шарттың 11-бабына немесе 12-бабына сәйкес тергеп-тексеруге көмек көрсетуге немесе айғақтар беруге келіскен адамға қатысты, ол көрінеу жалған айғақтар берген жағдайларды қоспағанда, оны берген айғақтары үшін қудалау жүзеге асырылмайды.

14-бап
Қылмыстың кірістері мен құралдары

1. Сұрау салынатын Тарап сұрау салу бойынша өзінің аумағында болжамды қылмыстың кірістері және/немесе құралдары бар-жоғын анықтайды және оның нәтижелері туралы Сұрау салушы Тарапты хабардар етеді.

2. Егер қылмыстың болжамды кірістері және/немесе құралдары табылса, Сұрау салынатын Тарап өзінің заңнамасына сәйкес қылмыстың осындай кірістеріне және/немесе құралдарына тыйым салу немесе оларды тәркілеу жөнінде шаралар қабылдайды. Сұрау салынатын Тарап қылмыстың кірістерін және/немесе құралдарын өзінің заңнамасына сәйкес Сұрау салушы Тарапқа қайтара алады. Қылмыстың осындай кірістерін және/немесе құралдарын қайтару Сұрау салушы Тараптың соты немесе өзге де құзыретті органы шығарған түпкілікті шешім болған жағдайда ғана жүзеге асырылады.

3. Осы бапты қолдану кезінде тиісті үшінші адал тұлғалардың құқықтары Сұрау салынатын Тараптың заңнамасына сәйкес құрметтеледі және қорғалады.

15-бап
Дипломатиялық немесе консулдық лауазымды адамдар арқылы құжаттар табыс ету және айғақтар алу

Тараптардың кез келгені басқа Тараптың заңнамасы бұзылмайтын және қандай да бір мәжбүрлеу шаралары қолданылмайтын жағдайда, басқа Тараптың аумағындағы өз азаматтарына өзінің дипломатиялық өкілдіктері немесе консулдық мекемелері арқылы құжаттар табыс етуді және олардан айғақтар алуды жүзеге асыра алады.

16-бап
Құпиялылығын қорғау және пайдаланылуын шектеу

1. Сұрау салынатын Тарап ұсынылған ақпараттың немесе дәлелдемелердің немесе ұсынылған ақпарат пен дәлелдемелер көздерінің құпиялылығын сақтауды сұратуға құқылы. Жария ету немесе пайдалану Сұрау салынатын Тараптың жазбаша келісуі болған кезде, Сұрау салушы Тараптың заңнамасына сәйкес жүзеге асырылуға тиіс.

2. Сұрау салушы Тарап көмек көрсету туралы сұрау салудың және растау құжаттарының мазмұнының құпиялылығын сақтауды сұратуға құқылы. Егер сұрау салуды құпиялылықты бұзбай орындау мүмкін болмаса, Сұрау салынатын Тарап сұрау салуды орындаудан бұрын ол туралы Сұрау салушы Тараптың хабардар етеді. Сұрау салушы Тарап бұдан әрі сұрау салуды толық немесе ішінара орындау мүмкіндігі туралы шешім қабылдайды.

3. Сұрау салушы Тарап алынған ақпаратты немесе дәлелдемелерді жоғалудан, санкцияланбаған қол жеткізуден және пайдаланудан, өзгертуден, ашып көрсетуден немесе тиісінше пайдаланбаудан қорғауды

қамтамасыз етеді.

4. Сұрау салушы Тарап осы Шартқа сәйкес алынған ақпаратты немесе дәлелдемелерді Сұрау салынатын Тараптың алдын ала жазбаша келісімінсіз сұрау салуда көрсетілген мақсаттардан өзге де мақсаттар үшін қолдануға немесе ашып көрсетуге құқылы емес.

17-бап
Төлнұсқалығын куәландыру немесе дәйектендіру

1. Құжаттар, көшірмелер, жазбалар, арыздар және басқа да материалдар қандай да бір заңдастыру, сендіру немесе теңтүпнұсқалы ету талаптарынан босатылуға тиіс.

2. Сұрау салушы Тарапқа берілуге тиіс құжаттар, көшірмелер, жазбалар, арыздар және басқа да материалдар, егер Сұрау салушы Тарап бұл туралы сұраса ғана расталуға жатады. Бұл мақсатта Сұрау салынатын Тараптың құзыретті органының растауы жеткіліктi болуға тиіс.

18-бап
Өкілдік ету және шығыстар

1. Егер осы Шартта өзгеше көзделмесе, Сұрау салынатын Тарап сұрау салуды орындау кезінде Сұрау салушы Тараптың мүдделері атынан өкілдік етеді.

2. Осы Шартқа сәйкес құқықтық көмек көрсетуге байланысты шығыстарды Тараптар өз заңнамаларына сәйкес жүзеге асырады.

3. Сұрау салушы Тарап көтеретін мынадай шығыстарды:

a) осы Шарттың 11-бабына сәйкес сұрау салуды орындаудан туындайтын шығыстарды;

b) осы Шарттың 12-бабында көрсетілген адамдардың Сұрау салушы Тарапқа жол жүруіне және онда болуына арналған шығыстарды;

c) осы Шарттың 3-бабы 2-тармағының i) тармақшасында көрсетілген адамдардың Сұрау салынатын Тарапқа жол жүруіне және онда болуына арналған шығыстарды;

d) сарапшылардың ақылға қонымды шығыстары мен қаламақыларын;

e) жазбаша және ауызша аударма үшін шығыстар мен қаламақыларды және көшірме жасау жөніндегі шығындарды;

f) алып қойылған нәрселерді сақтау, беру және қылмыстық жолмен алынған кірістерді қайтару жөніндегі шығындарды;

g) бейнеконференцияны немесе телевизиялық байланысты орнату мен өткізуге, сондай-ақ осындай талқылаулардың ауызша және жазбаша

аудармасына арналған шығыстарды қоспағанда, Сұрау салынатын Тарап көмек көрсету туралы сұрау салуды орындауға байланысты шығыстарды көтереді.

4. Сұрау салуды орындау күтпеген сипаттағы шығыстарға әкеп соқтыратын болса, Тараптар сұрау салу орындалуы мүмкін шарттарды және тиісті шығындардың бөліну өлшемшарттарын келісу мақсатында консультациялар жүргізеді.

19-бап
Басқа да уағдаластықтар

1. Осы Шарт Тараптардың өздері қатысушылары болып табылатын кез келген халықаралық шарттардан туындайтын құқықтары мен міндеттемелерін қозғамайды.

2. Осы Шарт бір Тараптың өздері қатысушылары болып табылатын басқа халықаралық шарттарға сәйкес басқа Тарапқа құқықтық көмек көрсетуіне кедергі келтірмейді.

20-бап
Консультациялар

1. Осы Шартты барынша тиімді іске асыру мақсатында Тараптардың орталық органдары өзара келісу бойынша консультациялар жүргізеді. Тараптардың орталық органдары осы Шартты іске іске асыруға жәрдемдесу үшін қажет болуы мүмкін басқа да практикалық шаралар туралы да уағдаласа алады.

2. Осы Шартты түсіндіруге немесе қолдануға байланысты кез келген даулар Тараптар арасында консультациялар жүргізу арқылы шешіледі.

21-бап
Шарттың күшіне енуі, қолданылуы және қолданысының тоқтатылуы

1. Осы Шарт белгіленбеген мерзімге жасалады және Тараптардың оның күшіне енуі үшін қажетті мемлекетішілік рәсімдерді орындағаны туралы соңғы жазбаша хабарлама дипломатиялық арналар арқылы алынған күннен бастап отызыншы (30) күні күшіне енеді.

2. Осы Шартқа Тараптардың өзара келісуі бойынша өзгерістер мен толықтырулар енгізілуі мүмкін. Кез келген өзгерістер мен толықтырулар

осы Шарттың ажырамас бөлігі болып табылады және осы баптың 1-тармағында көзделген тәртіппен күшіне енеді.

3. Осы Шарт Тараптардың бірі басқа Тараптың осы Шарт қолданысын тоқтату ниеті туралы жазбаша хабарламасын дипломатиялық арналар арқылы алған күннен бастап алты (6) ай өткеннен кейін өз қолданысын тоқтатады. Осы Шарттың қолданысы тоқтатылған жағдайда, ол қолданылған кезенде басталған құқықтық көмек көрсету жөніндегі іс-шаралар толық орындалғанға дейін күшінде болады.

4. Осы Шарт өзі күшіне енгеннен кейін жолданған кез келген сұрау салуға, оның ішінде, егер тиісті қылмыстар ол күшіне енгенге дейін жасалған болса да, қолданылады.

ОСЫНЫ КУӘЛАНДЫРУ ҮШІН осыған өзінің мемлекеттері тиісті түрде уәкілеттік берген төменде қол қоюшылар осы Шартқа қол қойды.

2017 жылғы «___» маусымда Ханой қаласында әрқайсысы вьетнам, қазақ және ағылшын тілдерінде екі данада жасалды, әрі барлық мәтіндер тең түпнұсқалы болып табылады. Түсіндіруде келіспеушіліктер туындаған жағдайда, ағылшын тіліндегі мәтінге басымдық беріледі.

Вьетнам Социалистік Республикасы үшін	**Қазақстан Республикасы үшін**
Le Minh Tri	Zhakyp Asanov